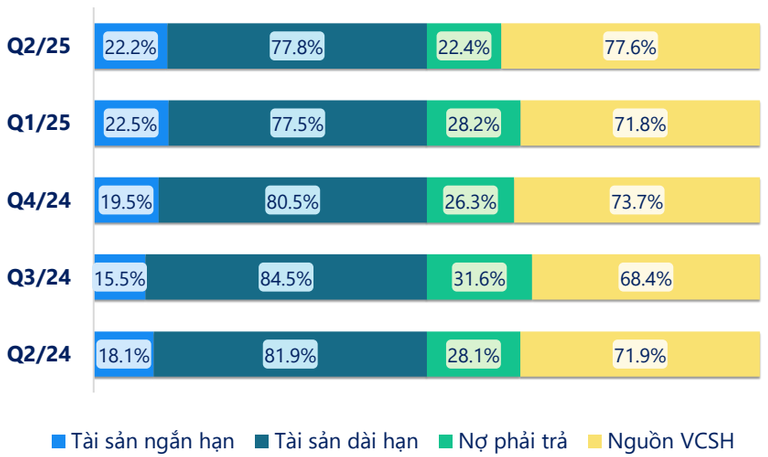
FireAnt

CTCP Thuỷ điện Miền Trung (HSX: CHP)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	34,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,955
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,472
SL cổ phiếu LH	146,912,668
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,900
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,068
P/E	10.9
EPS	3,179

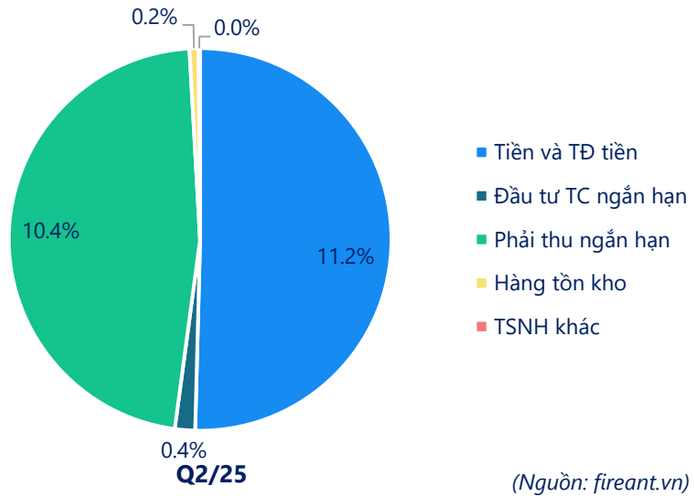
	YTD	1T	3T	6T
CHP	9.1%	4.3%	3.7%	9.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



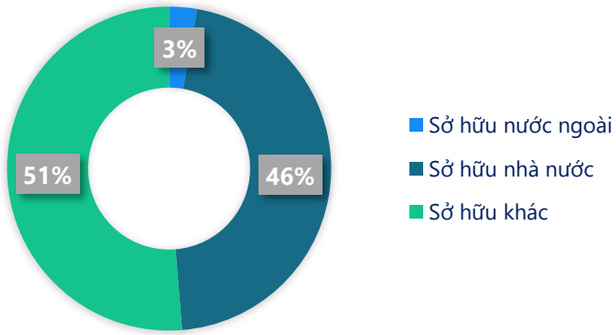
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



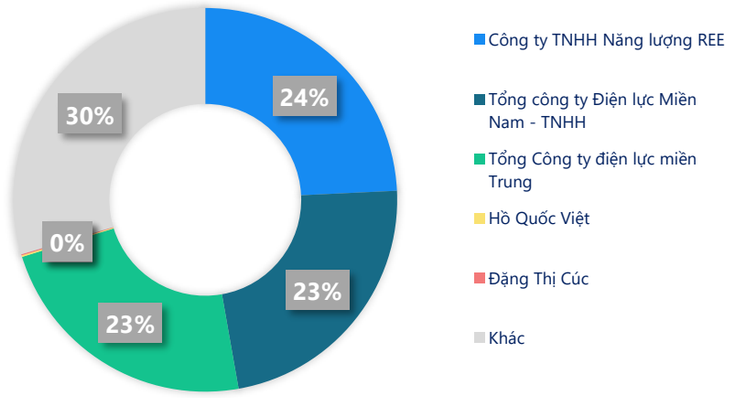
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



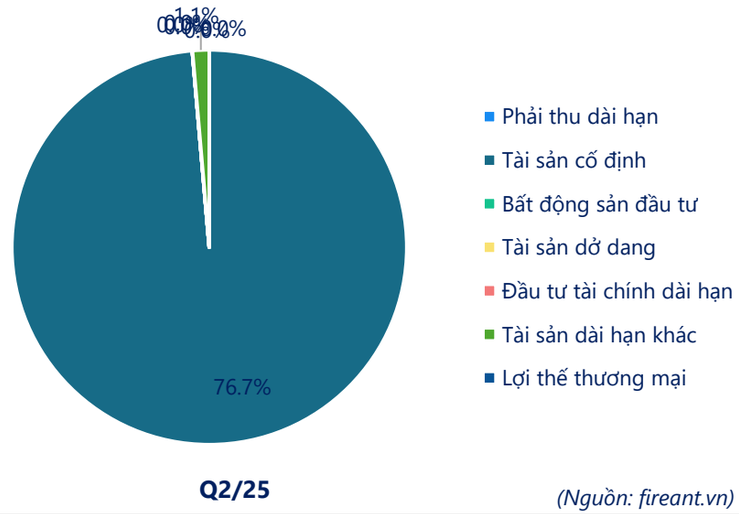
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

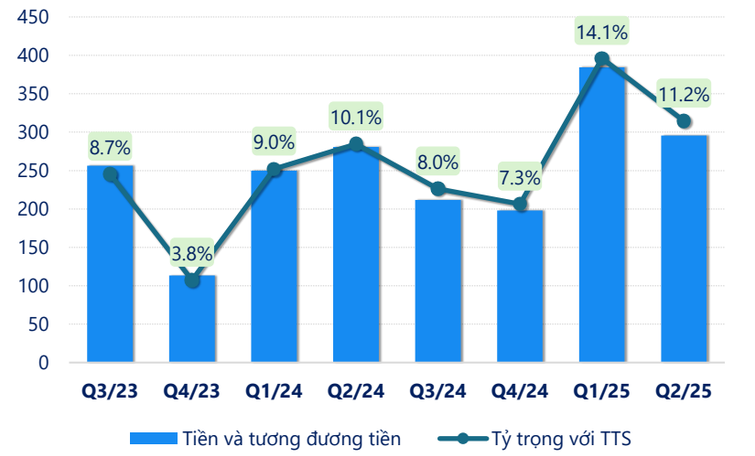


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

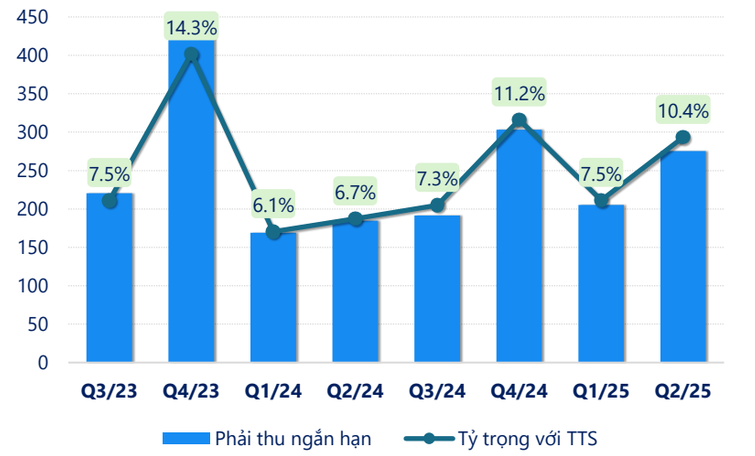
CTCP Thuỷ điện Miền Trung (HSX: CHP)

Tiền và tương đương tiền



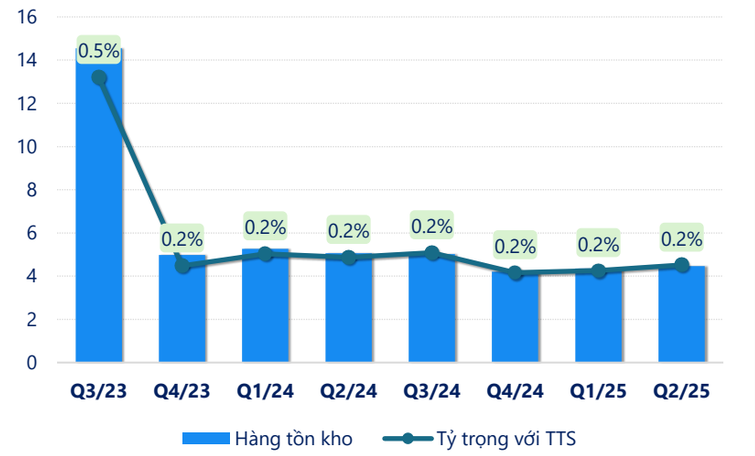
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



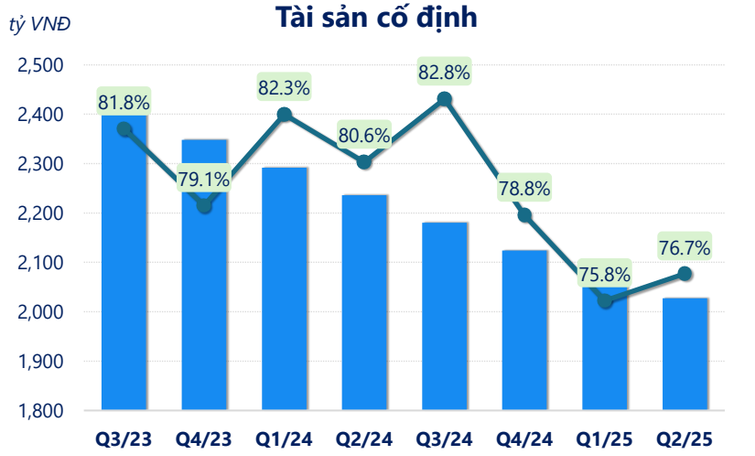
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



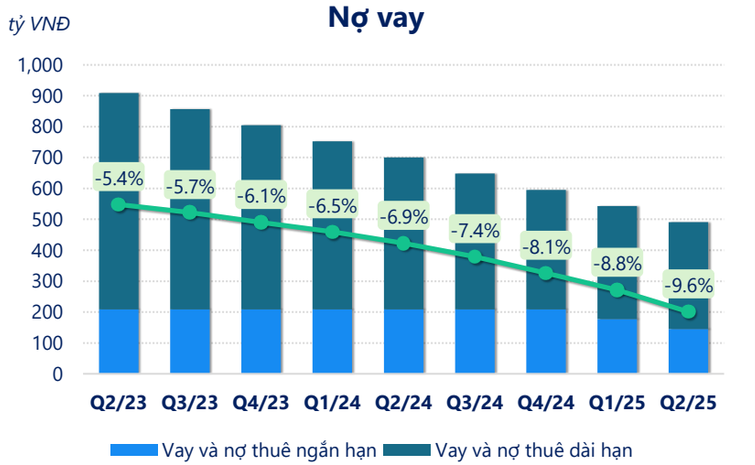
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



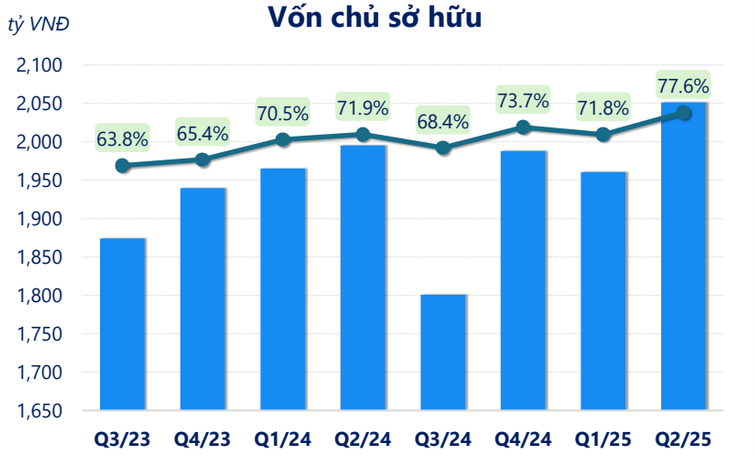
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

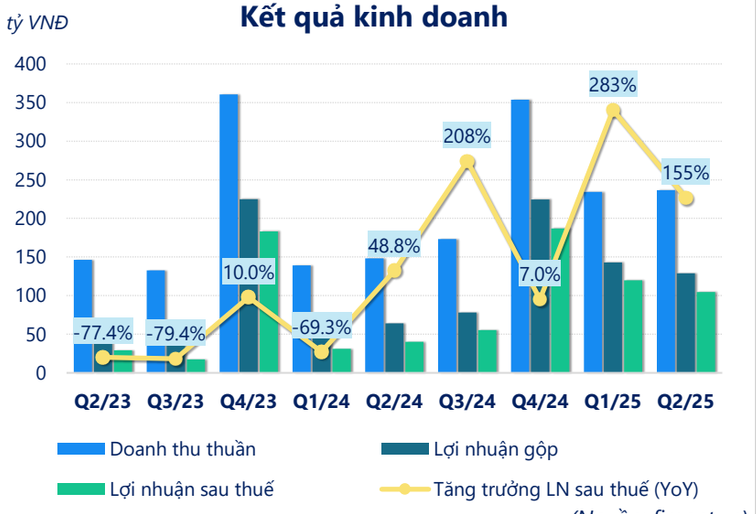


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

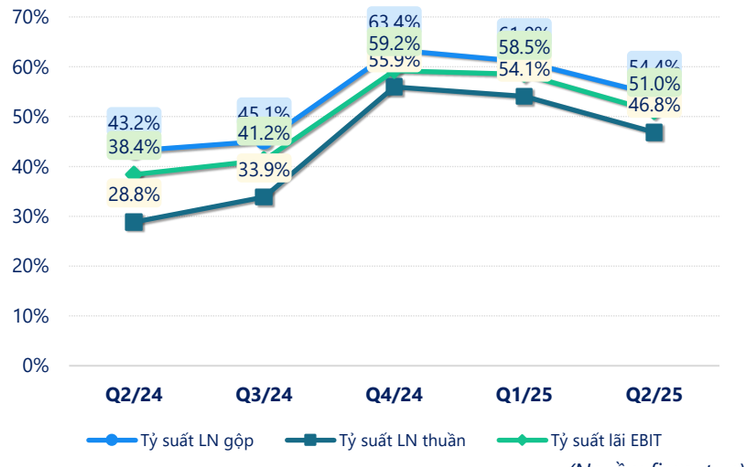
CTCP Thuỷ điện Miền Trung (HSX: CHP)

Kết quả kinh doanh



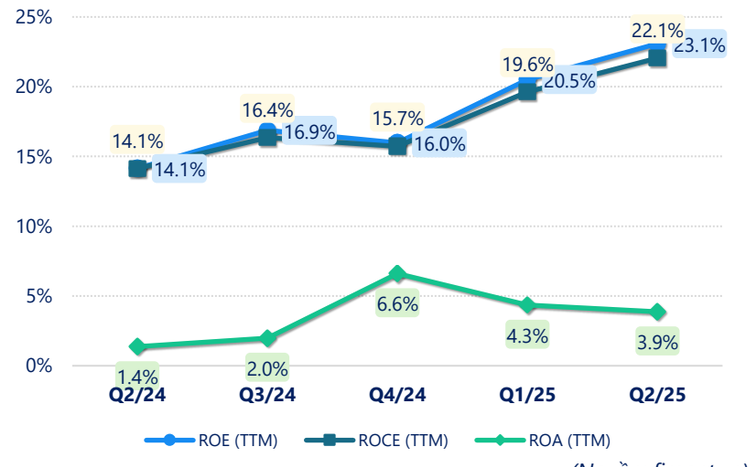
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



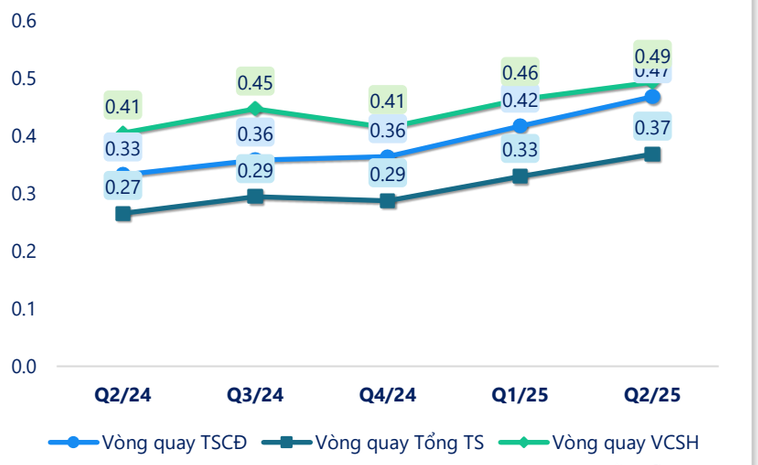
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



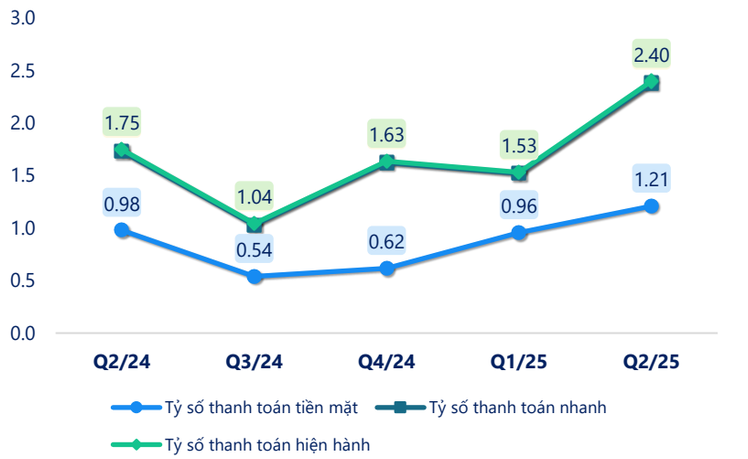
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



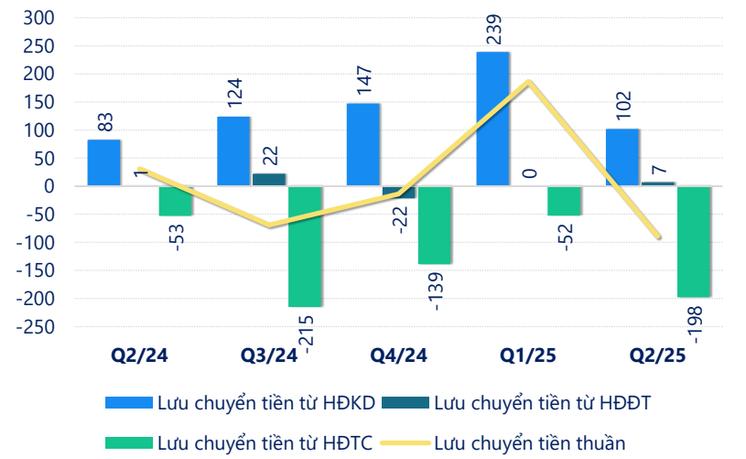
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thuỷ điện Miền Trung (HSX: CHP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,642**	**2,696**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	586	525	11.5%
Tiền và tương đương tiền	295	198	49.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	20.0	-50.0%
Phải thu ngắn hạn	275	303	-9.1%
Hàng tồn kho	4.47	4.21	6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	0.36	112%
Tài sản dài hạn	**2,056**	**2,171**	**-5.3%**
Phải thu dài hạn	0	0.12	-100%
Tài sản cố định	2,027	2,124	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.02	13.1	-99.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.13	0.13	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**28.1**	**33.3**	**-15.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	591	708	-16.6%
Nợ ngắn hạn	**245**	**322**	**-23.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	145	209	-30.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.8	23.6	-11.7%
Nợ dài hạn	346	387	-10.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	346	387	-10.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,051**	**1,988**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2,051**	**1,988**	**3.2%**
Vốn điều lệ	1,469	1,469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	148	173	354	234	237
Giá vốn hàng bán	84.3	95.1	130	91.4	108
Lợi nhuận gộp	64.0	78.1	224	143	129
Doanh thu HĐTC	1.61	2.41	1.16	2.30	2.51
Chi phí TC	14.1	12.9	11.5	10.3	9.88
Chi phí lãi vay	14.1	12.9	11.5	10.3	9.87
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.69	8.94	15.9	8.21	10.6
LN thuần từ HĐKD	42.7	58.6	198	127	111
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.12	0	0	0.01
LN trước thuế	42.7	58.5	198	127	111
Lợi nhuận sau thuế	40.3	55.3	187	120	105
LNST của CĐ cty mẹ	40.3	55.3	187	120	105

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	82.7	124	147	239	102
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.10	22.3	-21.7	0.01	7.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.9	-215	-139	-52.3	-198
Tiền đầu kỳ	250	281	212	198	384
Lưu chuyển tiền thuần	**31.0**	**-69.0**	**-13.7**	**186**	**-88.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	281	212	198	384	295

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic